

KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀ DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN CỦA THÍ SINH THAM DỰ
KỶ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD-ĐT HUYỆN QUẢNG TRẠCH, NĂM 2018
KHỐI TIỂU HỌC-THCS -PHÒNG PHÒNG VẤN: 03

TT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Điểm học tập không theo đào tạo hệ thống tín chỉ (Hệ số 1)		Điểm học tập đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Hệ số 2)		Điểm phỏng vấn, sát hạch			Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú		
					Điểm TBCKT		Điểm TN hoặc luận văn TN		Điểm trung bình chung học tập toàn khóa		Điểm phần kiến thức chung				Điểm kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm phỏng vấn, sát hạch (HS2)
					Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100 (HS 2)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14+9+7 (=14+11)	16	17
1	30	Đàm Thị Trà Giang	3/4/1991	GV Tiểu học - Trường TH 2 Quảng Hưng					7.60	152.0	95.0	95.0	380.0	532.0	X	
2	31	Nguyễn Thị Quý Hương	15/7/1990	GV Tiểu học- Trường TH Cảnh Dương					6.33	126.6	0.0	50.0	100.0	226.6		
3	32	Dương Thị Mai	18/01/1992	GV Tiểu học - Trường TH số 1 Quảng Xuân					7.33	146.6	90.0	70.0	320.0	466.6	X	
4	33	Nguyễn Thị Minh	08/3/1990	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Lưu					6.83	136.6	80.0	90.0	340.0	476.6	X	
5	34	Đặng Quốc Quang	10/6/1984	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Hợp					6.62	132.4	90.0	86.0	352.0	484.4	X	
6	35	Trịnh Thị Thắm	13/02/1990	GV Tiểu học- Trường TH số 2 Quảng Châu					6.58	131.6	95.0	93.0	376.0	507.6	X	
7	36	Đoàn Nữ Việt Trinh	16/6/1989	GV Tiếng anh - Trường TH Quảng Tiến					6.34	126.8	95.0	90.5	371.0	497.8		

TT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Điểm học tập không theo đào tạo hệ thống tín chỉ (Hệ số 1)				Điểm học tập đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Hệ số 2)		Điểm phỏng vấn, sát hạch			Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
					Điểm TBCTK		Điểm TN hoặc luận văn TN		Điểm trung bình chung học tập toàn khóa		Điểm phần kiến thức chung	Điểm kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm phỏng vấn, sát hạch (HS2)			
					Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100 (HS 2)						
8	37	Võ Thị Trinh	20/10/1993	GV Tiếng Anh - Trường TH Quảng Tiến					7.40	148.0	85.0	90.0	350.0	498.0	X	
9	38	Phạm Thị Hà	30/5/1991	GV Ngữ văn - Trường THCS Quảng Châu	7.10	71.0	6.50	65.0			70.0	20.0	180.0	316.0		
10	39	Lưu Bá Hùng	02/6/1985	GV Toán - Lý trường THCS Quảng Xuân					6.88	137.6	80.0	70.0	300.0	437.6	X	
11	40	Nguyễn Thị Phương Lý	19/4/1990	GV Ngữ văn- Trường THCS Quảng Châu					7.61	152.2	91.5	92.5	368.0	520.2	X	
12	41	Đậu Thị Lan Quỳnh	21/10/1990	GV Văn -Sử, Trường THCS Phù Hóa					7.50	150.0	85.0	85.0	340.0	490.0	X	
13	42	Trần Thị Thu Trang	09/9/1992	GV Toán- Tin Trường THCS Cảnh Dương					7.74	154.8	95.0	85.0	360.0	514.8	X	

Tổng số thí sinh tham dự phỏng vấn: 13/13 thí sinh, dự kiến trúng tuyển 10 thí sinh/12 chỉ tiêu./
Khối THCS: có 04/04 chỉ tiêu; Khối Tiểu học: 06/08 chỉ tiêu./

Quảng Trạch, ngày 16 tháng 8 năm 2018
TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh